



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LÂM ĐỒNG  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  
LAM DONG PROVINCE DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY  
CENTER FOR TECHNICAL STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY  
ISO/IEC 17025 - 9001



Trụ sở chính: 230 Hoàng Văn Thụ, Phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng  
Địa điểm thử nghiệm (Cơ sở 1): Khu dân cư Bắc Xuân An, Phường Hàm Thắng, tỉnh Lâm Đồng  
Số điện thoại: 0263 3753999 - 0252 3822390; Email: lamdongtdc@gmail.com; Website: tdc.lamdong.gov.vn

Số: 26063729

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Ngày/Date: 07/07/2026

Trang/Page: 1

Nơi gửi mẫu/ Client: CHI NHÁNH LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI TP. HỒ CHÍ MINH - COOP MART LAGI

Địa chỉ/ Address: ĐƯỜNG THỐNG NHẤT, TỔ DÂN PHỐ 4 TÂN THIỆN, PHƯỜNG LA GI, TỈNH LÂM ĐỒNG, VIỆT NAM

Ngày nhận mẫu/ Sample receiving date: 22/06/2026

Ngày hẹn trả/ Date of returning result: 07/07/2026

Tên mẫu/ Sample name: NƯỚC THẢI ĐẦU RA (X=1.180.172; Y=418.802)

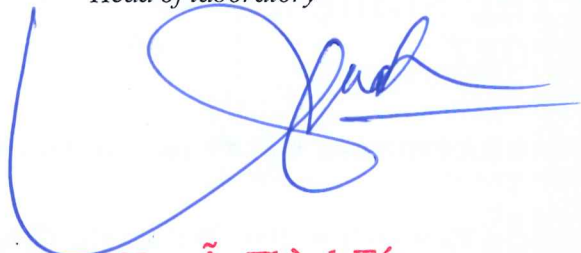
Mô tả mẫu/ Sample description: Mẫu đựng trong chai nhựa Số lượng/ Quantity:

01

| STT No. | Tên chỉ tiêu<br>Test item   | Đơn vị<br>Unit | Kết quả thử nghiệm<br>Test result | Phương pháp thử<br>Test method  |
|---------|-----------------------------|----------------|-----------------------------------|---------------------------------|
| 01      | BOD <sub>5</sub>            | mg/L           | < LOQ=3                           | TCVN 6001-1:2021 (**)           |
| 02      | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) | mg/L           | KPH (LOD=3)                       | TCVN 6625:2000 (*)(**)          |
| 03      | Chất rắn hoà tan (TDS)      | mg/L           | 340                               | SOP.HDLM.106 (**)               |
| 04      | Amoni (tính theo nitơ)      | mg/L           | < LOQ=1                           | TCVN 5988:1995 (*)(**)          |
| 05      | Nitrat (tính theo nitơ)     | mg/L           | 16,6                              | SMEWW 4500 NO3.E:2023 (*)(**)   |
| 06      | Photphat                    | mg/L           | 2,0                               | TCVN 6202:2008 (*)(**)          |
| 07      | Sunfua                      | mg/L           | KPH (LOD=0,04)                    | SMEWW 4500 - S2 -B.&D:2023 (**) |
| 08      | pH                          | -              | 7,58                              | TCVN 6492:2011 (*)(**)          |
| 09      | Tổng Coliform               | MPN/100mL      | < 1,8                             | SMEWW 9221B:2023 (*) (**)       |
| 10      | Dầu mỡ động, thực vật       | mg/L           | KPH (LOD=4)                       | US EPA Method 1664 (**)<br>(TP) |
| 11      | Chất hoạt động bề mặt       | mg/L           | KPH (LOD=0,05)                    | TCVN 6622-1:2009 (**)<br>(TP)   |

(\*\*): Phương pháp được Bộ NN&MT chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.  
(TP): Chỉ tiêu được thực hiện bởi Trung tâm dịch vụ phân tích thí nghiệm và Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thành phố Hồ Chí Minh, Vimcerts 147.

**TRƯỞNG PHÒNG**  
*Head of laboratory*



**Nguyễn Thành Tín**



**Nguyễn Hoàng Bảo Tâm**



**Ghi chú/Remark:**

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử/Test result are valid only for test sample.
2. Thời gian lưu mẫu 5 ngày (kể từ ngày hẹn trả kết quả)/Sample storing period is 5 days (As from the date of this report's promulgation).
3. Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý của Trung tâm/This test report shall not be reproduced except in full, without the approval of Technical Center of standards metrology and quality.
4. Tất cả thông tin về mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp/The following sample(s) was/were submitted and identified by client
5. (\*) Chỉ tiêu được VILAS công nhận/Items are accredited by VILAS. (TP): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ/Items are tested by subcontractor
6. LOD: Giới hạn phát hiện/Limit of detection; LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of quantification; KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected.